SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BV ĐK HUYỆN YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/TB-BVĐK
V/v mời thẩm định giá

Yên Châu, ngày 31 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO

Kính gửi: Quý công ty thẩm định giá tại Việt Nam

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá thẩm định

1. Đơn vị yêu cầu báo giá thẩm định : Bệnh viện đa khoa Yên Châu, Tiểu khu 5 - Thị trấn Yên Châu - Huyện Yên Châu - Tỉnh Sơn La.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá : Lê Thị Cúc, Cán bộ văn thư, Số điện thoại: 0852269889, bvdkyc@gmail.com.Địa chỉ: Phòng hành chính-Tổ chức Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ báo giá thẩm định giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Lê Thị Cúc, Cán bộ văn thư - Phòng hành chính- Tổ chức ,Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu. Tiểu khu 5 - Thị trấn Yên Châu - Huyện Yên Châu - Tỉnh Sơn La; Số điện thoại: 0852269889, bvdkyc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 06 năm 2024 đến trước 17h30p ngày 06 tháng 06 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: từ 90 đến 120 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá thẩm định:

1. Danh mục hoá chất, vật liệu dùng trong xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư dụng cụ và các loại khí dùng trong y tế năm 2024:

(có danh mục chi tiết kèm theo)

2.Địa điểm triển khai: Bệnh viện đa khoa Yên Châu, Tiểu khu 5 - Thị trấn Yên Châu - Huyện Yên Châu - Tỉnh Sơn La.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III năm 2024

4. Yêu Cầu khác:

Hồ sơ báo giá thẩm định của công ty bao gồm các tài liệu sau:
+ Thư chào giá, bảng chi phí thẩm định của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
+ Hợp đồng thẩm định giá các cơ sở y tế (nếu có)

+ Hồ sơ năng lực hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu trân trọng kính mời đơn vị quan tâm triển khai hợp tác.

Trân trọng.

Nơi Nhận
Như trên;
Phòng KHTH đăng Website;
VT, KD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN CHÂU

BSCKII. Lê Thái Hà

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT LIỆU DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO, VẬT TƯ DỤNG CỤ VÀ CÁC LOẠI KHÍ DÙNG TRONG Y TẾ NĂM 2024

(Kèm theo thông báo số: 34/TB-BVĐK ngày 31/05/2024)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	PHẦN 1. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY ĐIỆN GIẢI ĐỒ					
1	Thuốc thử dùng cho máy phân tích điện giải	Tính năng: Xét nghiệm các thông số Natri, Kali, Clorua, Canxi, PH. Nguyên lý: Dùng Multi Bio-sensor đa cảm biến. Thành phần: Standard A350ml , Standard B 100ml , Standard C 130ml, Dung dịch tham chiếu 230ml. Giá trị tham chiếu: + Na : 141-155 mmol/L . + K : 3.6-5.5 mmol/L . + Cl: 97-111 mmol/L . + Ca : 1.05-1.35 mmol/L.	B&E Diagnostic Inc/ Trung Quốc	Hộp	15	
2	Dung dịch rửa sử dụng cho máy phân tích điện giải	- Tính năng dùng để làm sạch hệ thống máy phân tích điện giải. - Thành phần chính: + EZ- Cleaner A: Muối vô cơ. + EZ- Cleaner B: Pepsin. Nhiệt độ bảo quản: 2-8ºC sau khi pha. -Quy cách: 0.13g*2+10ml	B&E Diagnostic Inc/ Trung Quốc	Hộp	2	

3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích điển giải	- Tinh năng dùng kiểm soát chất lượng xét nghiệm K+, Na+, Cl-, Ca2 +, pH. - Thành phần chính: Huyết thanh bê, natri clorua, kali clorua, natri axetat, canxi clorua, axit aminoacetic, chất đệm, chất bảo quản; - Quy cách: 3x5x2ml/ Hộp.	B&E Diagnostic Inc/ Trung Quốc	Hộp	7	
4	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho máy phân tích điện giải	- Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải K+, Na+, Cl-, Ca2 +, pH. - Thành phần chính: Natri Clorua, Muriate, Natri Acetate, Canxi Clorua, Glycine, chất đệm, sát trùng. - Quy cách: 3x4x2ml/ Hộp.	B&E Diagnostic Inc/ Trung Quốc	Hộp	7	
	PHẦN 2. HÓA CHẤT, SINH PHẨM DÙNG CHO MÁY PHÂN TÍCH PROTEIN					

1	Test nhanh HbA1c	Xét nghiệm dùng để đo định lượng Hemoglobin A1C trong mẫu máu toàn phần của người. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 4%- 14.5% - Ngưỡng phát hiện (LoD): 4% - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần -Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10.0 mg/mL, hemoglobin 5.0 mg/mL. - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	4800	

2	Test nhanh ß-hCG	Xét nghiệm định lượng beta -human choric gonadotropin với mục đích hỗ trợ chẩn đoán phát hiện thai sớm. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 2-200000 mIU/mL - Ngưỡng phát hiện: 2 mIU/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: FSH 1000 mIU/mL, LH 500 mIU/mL, TSH 1000 µIU/mL. - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	1000	

3	Test nhanh CRP	Xét nghiệm định lượng M11C- Reactive Protein (CRP) với mục đích hỗ trợ dự đoán các bệnh tim mạch trong tương lai, cũng như chẩn đoán nhiễm trùng và viêm nhiễm - Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm : 0.5 -200 mg/L - Ngưỡng phát hiện: 0.5 mg/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: albumin ở người: 110 mg/mL; bilirubin: 6 mg/mL; hemoglobin: 10 mg/mL; cholesterol: 5 mg/mL; triglycerides: 15 mg/mL. - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	7000	

4	Test nhanh T3	Xét nghiệm dùng để xác định định lượng Triiodothyronine (T3 toàn phần) với mục đích dùng để hỗ trợ đánh giá chức năng tuyến giáp. - Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 0.61-9.22 nmol/L (0.4-0.6 ng/mL) - Ngưỡng phát hiện: 0.61 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương -Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ được chỉ định: cholesterol 60mg/mL, bilirubin 2 mg/mL, triglycerides 40.0 mg/mL và hemoglobin 10.0 mg/mL. - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	1500	

5	Test nhanh T4	Xét nghiệm định lượng Thyroxine toàn phần (T4) với mục đích hỗ trợ đánh giá chức năng tuyến giáp. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 12.87- 300 nmol/L - Ngưỡng phát hiện: 12.87 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	1500	

6	Test nhanh TSH	Xét nghiệm định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH) - Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm : 0.1 -00 mIU/LL - Ngưỡng phát hiện: 0.1 mIU/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm TSH ở nồng độ xác định: FSH 200 mIU/mL, LH 200 mIU/mL, hCG 1000 mIU/mL, cholesterol 60 mg/mL, bilirubin 2 mg/mL, triglycerides 40.0 mg/mL, hemoglobin 10.0 mg/mL - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Guangzhou Wondfo Biotech Co.,Ltd/ Trung Quốc	Test	1500	
7	Test nhanh CEA	- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 1~500 ng/mL - Ngưỡng phát hiện:1 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng	GuangZhou Wondfo Biotech,Inc./ Trung Quốc	Test	500	

8	Test nhanh AFP	- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 5~400 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 5 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: Protein KN Carcinoembryonic ≤25.7 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤31.4 ng/mL... - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng	GuangZhou Wondfo Biotech,Inc./ Trung Quốc	Test	500	
9	Test nhanh PSA	- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 2.0~100.0 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: ≤2.0 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm PSA ở nồng độ xác định: Bilirubin ≤2 mg/dL, Triglyceride ≤5000 mg/dL, AFP ≤289 ng/mL, TPS ≤200 U/L... - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng	GuangZhou Wondfo Biotech,Inc./ Trung Quốc	Test	500	

	PHẦN 3. HÓA CHẤT, VẬT LIỆU DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG					
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS-Buffer pH 8,0 49 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L 2-Oxoglutarate 2,4 mmol/L ADP 2,9 mmol/L Urease ≥ 9 kU/l Glutamate dehydrogenase GLDH ≥ 0,7 kU/l Detergent and Stabilizer R2: NADH 2,1 mmol/L CAPS pH 9,6 85 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	32	
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Thành phần thuốc thử: R1: Phosphate Buffer pH 7.5 96 mmol/L Phenol 5 mmol/L Potassiumhexacyanoferrat 7 µmol/L 4-Aminoantipyrine 360 µmol/L Glucoseoxidase GOD ≥ 20 kU/l Peroxidase POD ≥ 1,5 kU/l Detergent and Stabilizer ≤ 0,1 %	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	45	

3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần thuốc thử: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/L Disodiumhydrogenphosphate 6,7 mmol/L R2: Picrid Acid 20 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	32	
4	Thuốc thử chẩn lượng Uric acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid. Thành phần thuốc thử: R1: Phosphate Buffer pH 7,0 43 mmol/L 3,5,Dichlorhydroxybenzolsulfonic acid DCHBS 4 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0,3 mmol/L K4[Fe(CN)6] 7,5 µmol/L Peroxidase POD ≥ 2 kU/l Uricase ≥ 0,2 kU/l Lipoprotein Lipase LPL ≥ 0,3 kU/l EDTA 1,3 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	6	

5	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin. Thành phần thuốc thử: R1: Lithiumdodecylsulfate 44 mmol/L EDTA 6,4 mmol/L Coffeine 61 mmol/L R2: Lithiumdodecylsulfate 36 mmol/L 3,5,-Dichlorphenyldiazoniumsalt DC 0,9 mmol/L Lithiumacetat 15 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	2	
6	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp. Thành phần thuốc thử: R1: Urea 174 mmol/L HCl 143 mmol/L Detergent and Stabilizer R2: 3,5 Dichlorophenyldiazoniumsalt 0,23 mmol/L HCl 249 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	2	

7	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein. Thành phần thuốc thử: R1: Potassium sodium tartrate 17 mmol/L EDTA 7 mmol/L Sodium hydroxide 1,25 mol/L Copper sulfate 12 mmol/L Potassium iodide 30 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	8	
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin. Thành phần thuốc thử: R1 Succinic acid 108 mmol/L succinate 56 mmol/L Bromocresol green (BCG) 0,25 mmol/L Detregent and Stabilizer Calibrator Bovine albumin 4 g/dl 40 g/l	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	8	

9	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 6,9 40 mmol/L Phenol 5,3 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/L Lipoprotein Lipase LPL / CHE ≥ 0,5 kU/l Cholesterinoxidase CHO ≥ 0,2 kU/l Peroxidase POD ≥ 1,0 kU/l	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	40	
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,0 40 mmol/L 4-Chlorphenol 5,4 mmol/L ATP 1,6 mmol/L Mg2+ 4,6 mmol/L Glycerokinase GK ≥ 0,8 kU/l Peroxidase POD ≥ 0,8 kU/l Lipoproteinlipase LPL ≥ 2 kU/l 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/L Glycerol-3-phosphatoxidase GPO ≥3,0 kU/l Detergent and Stabilizer	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	40	

11	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS-Buffer pH 7,8 99 mmol/L L-Aspartate 250 mmol/L EDTA 16 mmol/L Malate Dehydrogenase (MDH) ≥ 0,5 kU/l Lactate dehydrogenase (LDH) ≥ 1,5 kU/l R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L NADH 1,5 mmol/L 2-Oxoglutarate 113 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	40	
12	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS buffer pH 7,8 95 mmol/L L-Alanine 600 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L Lactate dehydrogenase LDH ≥ 1,5 kU/l R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L 2-oxoglutarate 113 mmol/L NADH 1,4 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	40	

13	Thuốc thử xét nghiệm α-Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α-Amylase. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,1 57 mmol/L NaCl 86 mmol/L CaCl2 1 mmol/L α-Glucosidase ≥ 4 kU/l R2: HEPES pH 7,2 100 mmol/L NaCl 50 mmol/L MgCl2 9 mmol/L Ethylidene-p-nitrophenyl-maltoheptaoside EPS-G7 11 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	9	
14	Thuốc thử xét nghiệm Calcium	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Calcium Thành phần thuốc thử:: R1: MES pH 6,5 75 mmol/L Arsenazo III 100 µmol/L Detergent and Stabilizer	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	3	

15	Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT. Thành phần thuốc thử: R1: Tris 120 mmol/L Glycylglycine 150 mmol/L R2: Pipes pH 5,1 180 mmol/L L-Gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitro-anilide 19 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Hộp	5	
16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol . Thành phần thuốc thử: R1: MES buffer, pH 6.5 N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methyl-aniline TODB Polyvinyl sulfonic acid Polyethylene-glycol-methyl ester MgCl2 EDTA Detergent R2: MES buffer, pH 6.5 Cholesterolesterase Cholesteroloxidase Peroxidase 4-Aminoantipyrine Detergent	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	hộp	2	

17	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: MES Buffer pH 6,5 PEGME/PVS mixture ≤ 1 % Cholesteroloxidase > 500 U/l Cholesterolesterase > 250 U/l Peroxidase > 10 kU 4-Aminoantipyrine 4 mmol/L R2: MES Buffer pH 6,5 N,N-Bis(sulfobutyl)methylaniline < 1 mmol/L	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	hộp	2	
18	Hoá chất định lượng Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol Thành phần: Buffer (pH 7,3) NADanalog 1.35 mmol/l alcohol dehydrogenase >203 kU/l stabilizers, preservatives	PZ Cormay - Ba Lan	hộp	6	
19	Chất hiệu chuẩn Ethanol	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Ethanol	PZ Cormay - Ba Lan	hộp	3	
20	Chất kiểm chuẩn Ethanol	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Ethanol	PZ Cormay - Ba Lan	hộp	2	
21	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá	Dung dịch rửa hệ thông máy sinh hóa. Thành phần thuốc thử: Sodium hydroxide < 5 % Non-ionic stabilizer < 0.1 %	Greiner Diagnostics GmbH / Đức	Chai	18	
22	Chất hiệu chuẩn xét	Dung dịch hiệu chuẩn định lượng cho các xét nghiệm sinh hóa.	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Lọ	30	

	nghiệm sinh hoá					
23	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá mức thấp	Dung dịch QC định lượng cho các xét nghiệm sinh hóa mức bình thường.	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Lọ	30	
24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá mức cao	Dung dịch QC định lượng cho các xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý.	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	Lọ	30	
	PHẦN 4. HÓA CHẤT, VẬT LIỆU DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC					
1	Dung dịch pha loãng huyết học	Dung dịch Pha loãng mẫu máu Thành phần: Sodium chloride: 0.7% Anhydrous Sodium Sulfate 0.9% Preservative Solution(Sodium-2-pyridinethiol-1-oxid) 0.02% The buffer solution(Boric acid, sodium borate) 0.12% Water 98.26% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Thùng	20	

2	Dung dịch ly giải huyết học	Dung dịch ly giải hồng cầu Thành phần bao gồm: Boric acid: 0.5% Borax: 1% Sodium dodecyl trimethyl ammonium chloride: 2% Cetyl trimethyl ammonium bromide: 0.2% Water: 96.3% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Chai	20	
3	Hóa chất rửa dùng cho máy huyết học	Hóa chất rửa máy xét nghiệm Thành phần: Sodium chloride 1.5% Anhydrous sodium sulfate 0.1% The buffer solution 0.2% Surfactant（Triton X-100,C16H26O2）0.1% Water 98.1% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Can	20	
	PHẦN 5. HÓA CHẤT, VẬT LIỆU DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG					
1	Hóa chất pha loãng máy huyết học tự động (1)	Thành phần: Anhydrous Sodium Sulfate[Na2SO4]: 1.0% Preservative Solution[C5H4NOSNa]: 0.06% Muriate[KCl]: 0.04% Sodium Chloride: 0.4% Wate: 98.5%	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Thùng	140	

2	Hóa chất rửa máy huyết học tự động	Thành phần: Sodium chloride: 0.5% Muriate: 0.05% Anhydrous Sodium Sulfate: 1% Surfactant(Polyoxyethylene lauryl ether, C58H118O24): 0.2% Water: 98.25%	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Thùng	70	
3	Hóa chất ly giải huyết học tự động	Thành phần: Boric acid: 0.5% Borax: 0.1% Dodecyl trimethyl ammonium chloride: 3% Myristyl trimethyl ammonium bromide: 0.3% Water: 96.1%	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Chai	70	
4	Hóa chất pha loãng máy huyết học tự động (2)	Thành phần: Trihydroxymethyl Aminomethane: 0.5% Hydrochlocric Acid: 0.05% Triton: 0.01% Water: 99.46%	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	thùng	70	
5	Vật liệu nội kiểm (QC) cho máy huyết học	Vật liệu nội kiểm (QC) cho máy huyết học Bảo quản ở nhiệt độ từ 2-8 độ C Mẫu ổn định trong vòng 14 ngày kể từ khi mở nắp.	R&D Systems/ Mỹ	Bộ	12	

6	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa kim máy xét nghiệm Thành phần: Sodium hypochlorite 20% Water 80% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Hộp	25	
	PHẦN 6. HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG					
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu định tính 11 thông số bao gồm cả Leukocytes; Ketones; Specific Gravity; Ascorbic Acid Thành phần tối tiểu: Indoxyl ester 1.4mg;diazonium salt 0.7mg; Sodium nitroprusside 30.0mg; Sulfanilamide 0.65mg;N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg, ... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Test	10.000	
2	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy nước tiểu	Bộ hóa chất kiểm chuẩn dùng để kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm nước tiểu cho 14 thông số bao gồm cả: Specific Gravity, Micro Albumin Bộ kiểm chuẩn gồm NO.I, NO.II, NO.III Dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Hộp	10	

3	Thanh thử nước tiểu 12 thông số	Que thử nước tiểu định tính 12 thông số Thành phần tối thiểu: Nitrite: Sulfonamide 1.27%; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.88%; buffer 97.84%; Leukocytes: indoxyl ester 0.95%; diazonium salt 0.47%; buffer 98.58%, Ketone: sodium nitroprusside 15.96%; buffer 84.04%, Creatinine: metallic chloride 0.15%; acid dyes 0.40%, Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 3.98%, Specific Gravity: bromthymol blue 0.23%; poly(methyl vinyl ester-co-maleic acid)-sodium 9.27%, pH: bromocresol green 0.58%; bromxylenol blue 9.57%, Microalbumin: fluorescein dye 0.36%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Hộp	40000	
4	Nước rửa hệ thống cho máy nước tiểu tự động	Dùng để tẩy rửa cặn bám sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu (Rửa bảo trì máy). Thành phần gồm: Surfactant 0.02% w/w, Oxidant 0.25% w/w, stabilizer 0.05% w/w, buffer solution 0.15% w/w. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Chai	16	
5	Nước rửa cho máy nước tiểu tự động	Dùng để tẩy rửa cặn bám sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu Thành phần gồm: Surfactant (tween 20, 0.15%); Buffer solution (Phosphate Buffer, 1,5%) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Urit Medical Electronic Co.,Ltd - Trung Quốc	Chai	20	

	PHẦN 7. SINH PHẨM CHUẨN ĐOÁN INVITRO					
1	Test nhanh HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.88 % - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 (0.16 μg) - Vạch kết qủa IgG chuột kháng HBsAg-B20 (0.20 μg) - Vạch chứng IgG dê kháng chuột (0.20 μg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	InTec PRODUCTS, INC./ Trung Quốc	Test	4000	

2	Test nhanh HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	InTec PRODUCTS, INC./ Trung Quốc	Test	4.000	

3	Test thử ma túy tổng hợp 4 trong 1	Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người. - Ngưỡng phát hiện (cut-off), AMP: 500 ng/ml ; MET: 500 ng/ml ; OPIATES Morphin): 300 ng/ml ; THC: 50 ng/ml - Độ nhạy: AMP: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC: 99,12 % - Độ đặc hiệu: AMP: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC: 99,53 % - Thời gian đọc kết quả trong vòng 3-8 phút , không đọc kết quả sau 8 phút.; - Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm: Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	InTec PRODUCTS, INC./ Trung Quốc	Test	4000	

4	Test nhanh HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Igg người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vach chứng IgG người - Hạn SD 24 tháng trong túi kín - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	InTec PRODUCTS, INC./ Trung Quốc	Test	2000	
	PHẦN 8: HÓA CHẤT VI SINH VÀ HÓA CHẤT ĐỊNH NHÓM MÁU					
1	Nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranine chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt Nam	Hộp	1	

2	Nhuộm Lao Ziehl-Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylen Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt Nam	Hộp	4	
3	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostics – Ai Cập	Lọ	20	
4	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostics – Ai Cập	Lọ	20	
5	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostics – Ai Cập	Lọ	20	

	PHẦN 9. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU					
1	Dung dịch rửa máy đông máu	dùng để làm sạch đầu dò dùng cho máy phân tích đông máu tự động. Thành phần: Sodium hypochlorite 1.0%	Rayto / Trung Quốc	Lọ	25	
2	Vật liệu kiểm chuẩn mức bệnh lý	Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma	Rayto / Trung Quốc	Lọ	16	
3	Vật liệu kiểm chuẩn mức bình thường	Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma	Rayto / Trung Quốc	Lọ	16	

4	Hoá chất xét nghiệm APTT	Dùng để xác định trong ống nghiệm Thời gian Thromboplastin từng phần được kích hoạt (APTT) của huyết tương người Khi huyết tương để xét nghiệm được thêm chất kích hoạt (axit ellagic) và cephalin não, được gọi là thromboplastin từng phần, nó được ủ ở 37°C trong một khoảng thời gian cụ thể để kích hoạt các yếu tố XII và XI của con đường đông máu nội tại, sau đó với sự hiện diện của các ion canxi, fibrinogen cuối cùng được chuyển thành fibrin không hòa tan. Thời gian đông tụ huyết tương sau khi thêm canxi clorua được đo trên thiết bị sử dụng phương pháp đo thận quang học là APTT của huyết tương Bao gồm Reagent 1 (R1) và Reagent 2 (R2). R1: APTT Reagent: Ellagic acid, rabbit brain cephalin; R2: CaCl2 Solution: 25mmol/L calcium chloride	Rayto / Trung Quốc	Hộp	15	

5	Hoá chất xét nghiệm Prothrombin	Thích hợp để chẩn đoán in vitro về Thời gian Protrombin (PT) của huyết tương người. Trên lâm sàng, Nó là chủ yếu đã sử dụng vì sàng lọc của bên ngoài sự đông lại hệ thống chức năng khuyết điểm Và vì giám sát miệng thuốc kháng đông liệu pháp. Kéo dài PT Có thể là đã xem TRONG nhân tố II, V, VII Và X thiếu sót Và giảm fibrinogen máu Thành phần: Huyết khối thỏ, Chất ổn định và đệm 2ml x 10	Rayto / Trung Quốc	Hộp	30	
6	Cuvette máy đông máu	Phụ kiện sử dụng cho máy phân tích đông máu, dùng để chứa mẫu bệnh phẩm	Rayto / Trung Quốc	Cái	25000	
	PHẦN 10. DỤNG CỤ Y TẾ					
1	Máy đo huyết áp	- Đồng hồ đo có quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, có độ thẩm mỹ cao. - Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao - ống nghe đi kèm	Tanaka Sangyo Co., Ltd; / Nhật Bản	Bộ	16	

2	Đồng hồ oxy	• Công dụng: Đo áp suất bình khí oxy. • Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm: + Đồng hồ đo lượng oxy trong bình. + Cột đo lưu lượng khí Oxy ra. + Bình tạo ẩm khí Oxy + Đầu làm bằng polycacbonat để đảm bảo tính bền. • Áp suất đầu vào: 150bar • Van an toàn: 3.5bar ± 0.5bar • Áp suất đầu ra: 2bar-3bar • Phạm vi lưu lượng kế: 1L / phút -10L / 15L / phút	Ningbo Jmao Medical Equipment Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	3	
3	Cọc truyền dịch bằng Inox	Cấu hình: - Khung chân cọc truyền: 01 cái - Thanh treo chai dịch truyền: 01 cái Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: Inox - Khung chân cọc truyền: có ba thanh chân làm bằng Inox 30x60x 0,8 mm và một thanh đứng Inox Ø25 cao 1000 mm, ba thanh chân có lắp bánh xe Ø 50 để di chuyển. - Thanh treo chai dịch bằng Inox phi 16 mm cao 1000 mm một đầu hàn thanh có móc treo chai dịch truyền bằng Inox đặc Ø5. - Thanh treo chai dịch truyền có thể điều chỉnh chiều cao từ 1200 mm đến 1800 mm định vị chắc chắn bằng núm tăng chỉnh . - Cọc truyền được hàn lắp ráp chắc chắn , dễ dàng thao tác , di chuyển .	Hoàng Nguyễn/ Việt Nam	Cái	5	
4	Kéo phẫu thuật cong 18cm	Kéo phẫu thuật cong mạ vàng 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	3	
5	Kéo phẫu thuật thẳng 16cm	Kéo phẫu thuật thẳng 2 đầu tù 16cm	Simaeco / Pakistan	Cái	4	

6	Kéo thẳng đầu tù 18cm	Kéo thẳng đầu tù 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	15	
7	Kéo cong đầu tù 18cm	Kéo cong đầu tù 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	15	
8	Kẹp phẫu tích 18cm	Kẹp phẫu tích có mấu 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	6	
9	Kìm gặm xương 18cm	Kìm gặm xương 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	1	
10	Kìm mang kim 20cm	Kìm mang kim mạ vàng 20cm	Simaeco / Pakistan	Cái	3	
11	Panh có mấu	Panh có mấu	Simaeco / Pakistan	Cái	3	
12	Panh thẳng có mấu	Panh thẳng có mấu 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	10	
13	Panh cong có mấu	Panh cong có mấu 20cm	Simaeco / Pakistan	Cái	10	
14	Hacman	Hacman	Simaeco / Pakistan	Cái	2	
15	Khay Inox	Khay Inox chữ nhật	Simaeco / Pakistan	Cái	5	
16	Trụ cắm panh	Trụ cắm panh	Simaeco / Pakistan	Cái	3	

17	Giường bệnh nhân	1.Cấu hình - Khung giường bệnh nhân: 01 cái - Đầu giường bệnh nhân: 02 cái - Cọc màn: 02 cái - Bánh xe: 04 cái 2. Thông số kỹ thuật - Kích thước giường (DxRxC): ≥ 1960x900x500 (kích thước khi lắp ráp) - Vật liệu: inox 201. - Khung giường (kích thước :1900 x 900 ±10mm) - Làm bằng Inox hộp ≥ 25x50mm . - Đầu giường: Làm bằng Inox ống liền phi 31,8mm - Thang ngang khung song đầu giường làm bằng Inox ống phi22mm - Các song dọc đầu giường làm bằng Inox ≥ phi12.7mm (mỗi giường có 10 song) . - Đầu giường được lắp ghép với khung giường bằng kết cấu ốp V và mỏ cài Inox tấm dày ≥2.5 mm - Đầu giường một đầu cao ≥ 800 có gắn bảng kẹp hồ sơ bằng inox tấm dày 0,4 ly - Đầu còn lại cao ≥ 900mm . Phía dưới đầu giường có đóng nút chân cao su . - Giát giường gồm hai phần : + Phần nâng đầu và lưng dài 560mm có khung inox hộp ≥20x20 mm, có 11 đến 13 nan bằng inox 10 x 40 mm cách đều hàn với khung, có thể điều chỉnh góc nghiêng từ 0÷45 độ bằng cơ cấu chống thanh răng, thanh răng dày 2 mm dập gân tăng cứng. + Phần còn lại là phần thân giường cố định hàn với khung có 13 nan bằng inox 10 x 40 mm cách đều, được hàn tăng cứng cùng bốn thanh inox hộp ≥20x20mm với khung giường. - Cọc màn: Hình chữ U, làm bằng inox ≥ phi12.7mm . - Giường có 4 bánh xe, 2 bánh xe có khóa.Bánh xe Ø 100mm	Hoàng Nguyễn/ Việt Nam	Cái	6	

		- Giường được hàn lắp ráp chắc chắn, thuận tiện sử dụng .				

18	Tủ đầu giường 4 ngăn	1. Cấu hình: - Tủ đầu giường: 01 cái 2. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa ABS - Kích thước: (Dài x Rộng x Cao): 470 mm x 460mm x 780 mm - Kết cấu tủ: + Bàn ăn: 01 cái + Ngăn kéo: 01 cái, kiểu rút + Hộc tủ: Kiểu cánh cửa mở, bên trong có 1 đợt bằng nhựa chia tủ làm 2 khoang sử dụng - Hai bên thành tủ có 2 móc treo bằng inox, có chức năng để treo khăn mặt cho bệnh nhân, có thể cúp gọn khi không sử dụng - Có 4 bánh xe	Hoàng Nguyễn/ Việt Nam	Cái	10	
19	Dụng cụ vặn vít	Cán gỗ. Kích thước: Vít 1,5, Vít 3.5 mm và 4.5 mm	Simaeco / Pakistan	Cái	1	
20	Gel Siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Merufa/Việt Nam	Can	5	
21	Giấy siêu âm	• Giấy in siêu âm sử dụng cho máy in nhiệt của các dòng máy in nội soi, siêu âm. • Chất liệu giấy tốt có độ tin cậy cao, sắc nét bám màu tốt, không lem nhòe. • Kích cỡ giấy siêu âm đúng tiêu chuẩn 110mm. • Khả năng in ấn của loại giấy này lên đến 20m.	Telepaper - Malaysia	Cuộn	300	

22	Gel điện tim	• Gel điện tim phù hợp điện cực máy điện tim, điện não, giúp bảo vệ bề mặt đầu dò siêu âm không bị ăn mòn, không chứa formaldehyde, không mẫn cảm da, không gây rát da. • Thành phần: Deionized Water, Carbomer, TriEthanol Amine, MonoPropylene Glycol, Benzyl Alcohol, Methylchloroisothi-azolinone, Methylisothiazolinone. • Bảo quản: Để nơi thoáng mát dưới 35C, tránh ánh sáng trực tiếp.	Turkuaz - Thổ nhỷ kỳ	Lọ	25	
23	Giấy điện tim	Giấy điện tim Fukuda Kích thước: 63x100x300	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd / Trung Quốc	Xấp	410	
24	Tùi đựng oxy	• Công dụng: dùng để dự trữ oxy cho bệnh nhân. • Đặc trưng: dễ dàng làm sạch, an toàn, bền và dễ dàng thực hiện việc bơm trữ oxy. • Chất liệu: được làm bằng nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế. • Dung tích: 42 lít	Taizhou Kangjian - Trung Quốc	Cái	3	
25	Thước đo vít xương	Thước đo Vit Xương 60mm/90mm	Simaeco / Pakistan	Cái	2	
26	Kìm mang kim	Kìm mang kim 18cm	Simaeco / Pakistan	Cái	10	
27	Kìm giữ xương	Kim giữ xương có khoá hãm 23 cm	Simaeco / Pakistan	Cái	2	
28	Mũi khoan xương	Mũi khoan xương các cỡ	Simaeco / Pakistan	Cái	5	
	PHẦN 11. KHÍ DÙNG CHO MÁY PLASMA					

1	Khí sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh	Dùng cho máy phát tia Plasma lạnh PlasmaMED-GAP * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H_2O < 3 ppm; N_2 < 5 ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm nắp: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): 1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm - Giao diện nối điện tử: HDMI * Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm	Công ty Cổ phần Công nghệ Plasma Việt Nam	Bình	100	
	PHẦN 12. KHÍ DÙNG TRONG Y TẾ					
1	Khí CO2	'- Hàm lượng %CO2 ≥ 99,9% - Quy cách: Đóng bình 40 lít (25kg /bình) - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2015 hoặc tương đương	- Hãng sản xuất: Công ty CP khí công nghiệp Bắc Hà/ Đóng bình tại Công ty CP Thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội. - Nước sản xuất: Việt Nam	Bình	5	

2	Khí Oxy - bình 40 lít	Khí Oxy đóng chai 40 lít; - Áp suất nạp 150atm Áp suất sử dụng: 135 atm - Tỷ lệ %O2 ≥99,6% - Đạt tiêu chuẩn Oxy y tế	- Hãng sản xuất: Công ty CP Nippon Sanso Việt Nam/ Đóng bình tại Công ty CP Thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội. - Nước sản xuất: Việt Nam	Bình	200	
3	Khí Oxy - bình 8 lít	Khí Oxy đóng chai 8 lít; - Áp suất nạp 150atm Áp suất sử dụng: 135 atm - Tỷ lệ %O2 ≥99,6% - Đạt tiêu chuẩn Oxy y tế	- Hãng sản xuất: Công ty CP Nippon Sanso Việt Nam/ Đóng bình tại Công ty CP Thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội. - Nước sản xuất: Việt Nam	Bình	15	
Tổng cộng : 98 mặt hàng, chia thành 12 phần						